PHỤ LỤC 2
SỐ LƯỢNG ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRẺ EM, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ THEO ĐIỀU 5, ĐIỀU 6 NGHỊ ĐỊNH SỐ 277/2025/NĐ-CP, NĂM HỌC 2026 - 2027

(Kèm theo Quyết định số 7582 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU	Số cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
		Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
Tổng số		**1,306**	**7,768**	**1,849**	**432**	**447**	**5,325**	**4,446**
1	Xã Củ Chi	10	92	10	0	6	33	28
2	Xã Tân An Hội	12	87	23	0	2	0	2
3	Xã Thái Mỹ	7	38	6	1	0	1	0
4	Xã An Nhơn Tây	9	38	7	1	2	1	2
5	Xã Nhuận Đức	9	52	7	1	3	1	3
6	Xã Phú Hòa Đông	6	62	7	0	1	0	0
7	Xã Bình Mỹ	6	45	8	0	0	0	0
8	Xã Hóc Môn	12	95	61	0	0	0	0

STT	XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU	Số cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
		Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
9	Xã Xuân Thới Sơn	15	78	7	0	0	0	0
10	Xã Đông Thạnh	12	76	38	0	0	0	0
11	Xã Bà Điểm	9	62	8	3	0	7	2
12	Phường Đông Hưng Thuận	13	48	11	0	0	0	0
13	Phường Trung Mỹ Tây	3	19	3	0	0	0	0
14	Phường Tân Thới Hiệp	9	73	8	0	0	0	0
15	Phường Thới An	9	76	12	0	0	0	0
16	Phường An Phú Đông	9	54	6	0	0	0	0
17	Phường Tây Thạnh	3	12	2	0	0	0	0
18	Phường Tân Sơn Nhì	6	34	4	0	0	0	0
19	Phường Phú Thọ Hòa	15	74	10	0	0	0	0
20	Phường Tân Phú	7	49	5	1	1	1	1

STT	XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU	Số cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
		Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
21	Phường Phú Thạnh	3	32	2	0	0	0	0
22	Phường Tân Sơn Hòa	6	28	8	0	0	0	0
23	Phường Tân Sơn Nhất	10	51	9	0	0	0	0
24	Phường Tân Hòa	6	39	6	0	0	0	0
25	Phường Bảy Hiền	9	64	14	0	0	0	0
26	Phường Tân Bình	0	0	0	0	0	0	0
27	Phường Tân Sơn	3	11	1	0	0	0	0
28	Phường Hạnh Thông	9	73	18	11	9	11	9
29	Phường An Nhơn	4	32	5	0	0	0	0
30	Phường Thông Tây Hội	6	44	8	0	0	0	0
31	Phường An Hội Đông	8	52	11	0	0	26	15
32	Phường An Hội Tây	6	32	13	0	0	0	1

STT	XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU	Số cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
		Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
33	Phường Gò Vấp	6	38	5	0	1	3	2
34	Phường Đức Nhuận	6	38	8	0	3	0	3
35	Phường Cầu Kiệu	7	32	32	0	0	0	0
36	Phường Phú Nhuận	10	49	45	0	0	0	0
37	Phường Bình Lợi Trung	11	56	8	0	0	0	0
38	Đặc khu Côn Đảo	4	33	4	0	0	0	0
39	Phường Bình Thạnh	9	52	11	116	95	116	95
40	Phường Gia Định	12	74	14	0	0	0	0
41	Phường Thạnh Mỹ Tây	10	53	25	0	0	0	0
42	Phường Bình Quới	3	24	9	0	0	0	0
43	Phường Sài Gòn	6	27	5	0	0	0	0
44	Phường Tân Định	7	25	6	0	0	0	0

STT	XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU	Số cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
		Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
45	Phường Bến Thành	9	39	8	0	0	0	0
46	Phường Cầu Ông Lãnh	6	39	8	128	101	129	103
47	Phường Bàn Cờ	9	51	22	0	0	0	0
48	Phường Xuân Hòa	15	62	32	0	0	0	0
49	Phường Nhiêu Lộc	5	36	15	0	3	0	0
50	Phường Khánh Hội	6	32	7	1	0	0	0
51	Phường Chợ Quán	9	54	50	1	0	1	0
52	Phường An Đông	13	38	9	0	0	0	0
53	Phường Chợ Lớn	10	67	10	1	0	1	0
54	Phường Vườn Lài	10	47	7	0	0	0	0
55	Phường Diên Hồng	9	52	8	0	0	0	0
56	Phường Hòa Hưng	15	58	8	0	2	0	0

STT	XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU	Số cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
		Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
57	Phường Bình Thới	9	64	11	0	3	0	3
58	Phường Hòa Bình	13	62	8	0	0	0	0
59	Phường Phú Thọ	8	32	8	0	0	0	0
60	Phường Minh Phụng	11	49	13	0	2	0	7
61	Phường Bình Tiên	9	54	9	86	78	86	78
62	Phường Bình Tây	12	54	22	1	1	1	1
63	Phường Bình Phú	12	65	8	0	0	0	0
64	Phường Phú Lâm	9	35	5	0	0	0	0
65	Phường Tân Tạo	7	64	33	0	0	410	382
66	Phường An Lạc	19	106	18	0	0	3	2
67	Phường Bình Tân	6	45	6	0	0	0	0
68	Phường Bình Hưng Hòa	7	112	7	0	0	0	0

STT	XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU	Số cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
		Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
69	Phường Bình Trị Đông	3	29	3	0	0	0	0
70	Phường Vĩnh Hội	6	40	14	0	2	0	2
71	Phường Xóm Chiếu	9	57	11	1	0	3	1
72	Phường Phú Thuận	6	41	4	0	0	0	0
73	Phường Tân Hưng	12	83	73	0	0	0	0
74	Phường Tân Thuận	9	56	7	0	0	0	0
75	Phường Tân Mỹ	3	34	28	0	0	0	0
76	Phường Chánh Hưng	15	97	12	0	0	4	0
77	Phường Bình Đông	12	77	8	1	0	1	0
78	Phường Phú Định	3	17	4	0	0	0	0
79	Phường Dĩ An	9	79	8	0	0	0	0
80	Phường Đông Hòa	6	47	7	0	3	0	3

STT	XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU	Số cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
		Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
81	Phường Tân Đông Hiệp	6	35	4	3	0	0	0
82	Phường Hiệp Bình	13	81	32	0	0	0	0
83	Phường Tam Bình	9	64	10	0	18	0	18
84	Phường Linh Xuân	11	85	17	0	4	0	4
85	Phường Thủ Đức	12	47	10	0	0	0	0
86	Phường Long Bình	7	57	47	0	0	0	0
87	Phường Tăng Nhơn Phú	12	73	13	0	0	0	0
88	Phường Phước Long	6	48	38	0	0	0	0
89	Phường Long Phước	6	24	9	0	1	0	1
90	Phường Long Trường	3	25	5	1	0	1	0
91	Phường An Khánh	7	44	35	0	0	0	0
92	Phường Bình Trưng	15	81	68	0	0	0	4

STT	XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU	Số cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
		Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
93	Phường Cát Lái	9	48	36	0	0	0	0
94	Xã Vĩnh Lộc	6	36	4	0	0	70	54
95	Xã Tân Vĩnh Lộc	9	58	10	0	0	50	34
96	Xã Bình Lợi	7	32	9	0	0	74	47
97	Xã Tân Nhựt	9	43	7	0	0	0	0
98	Xã Bình Chánh	9	57	10	0	1	18	6
99	Xã Hưng Long	6	43	5	0	0	0	0
100	Xã Bình Hưng	12	83	9	0	0	0	0
101	Xã Cần Giờ	6	33	8	0	0	7	9
102	Xã An Thới Đông	8	31	6	0	0	19	32
103	Xã Bình Khánh	5	40	6	29	34	29	34
104	Xã Thạnh An	2	6	2	0	0	5	9

STT	XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU	Số cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
		Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
105	Xã Nhà Bè	15	116	12	0	0	0	0
106	Xã Hiệp Phước	9	61	9	0	0	0	0
107	Phường Thủ Dầu Một	8	54	6	0	1	0	1
108	Phường Phú Lợi	8	56	7	0	0	0	0
109	Phường Chánh Hiệp	3	22	1	1	0	116	76
110	Phường Bình Dương	9	55	5	0	0	469	400
111	Phường An Phú	3	25	1	0	1	737	633
112	Phường Bình Hòa	7	26	4	1	0	0	0
113	Phường Lái Thiêu	6	26	3	6	7	66	39
114	Phường Thuận An	6	32	5	1	4	1	4
115	Phường Thuận Giao	3	9	2	0	0	0	0
116	Phường Vĩnh Tân	3	20	4	2	4	373	248

STT	XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU	Số cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
		Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
117	Phường Bình Cơ	3	24	9	0	0	0	0
118	Phường Tân Uyên	6	41	5	0	0	40	38
119	Phường Tân Hiệp	3	16	1	0	0	0	0
120	Phường Tân Khánh	5	25	1	0	2	0	2
121	Xã Thường Tân	4	18	5	0	0	44	43
122	Xã Bắc Tân Uyên	6	31	5	0	1	65	45
123	Xã Phú Giáo	6	49	3	1	0	26	19
124	Xã Phước Hòa	5	34	5	6	1	48	27
125	Xã Phước Thành	4	29	4	0	2	0	0
126	Xã An Long	4	31	5	0	0	0	0
127	Phường Hòa Lợi	3	20	3	0	1	259	208
128	Phường Thới Hòa	3	15	2	0	2	1.252	1.088

STT	XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU	Số cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
		Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
129	Phường Phú An	6	32	5	0	0	11	17
130	Phường Tây Nam	6	26	13	0	2	316	310
131	Phường Long Nguyên	7	34	5	0	13	0	13
132	Phường Bến Cát	7	57	5	1	0	1	0
133	Phường Chánh Phú Hòa	2	20	2	1	1	1	1
134	Xã Trừ Văn Thố	4	33	3	1	2	85	116
135	Xã Bàu Bàng	2	32	2	2	2	2	2
136	Xã Long Hòa	3	29	2	1	2	1	2
137	Xã Thanh An	6	28	6	3	3	3	3
138	Xã Dầu Tiếng	8	54	14	0	2	0	2
139	Xã Minh Thạnh	6	38	7	1	2	1	2
140	Phường Vũng Tàu	18	90	14	0	0	0	0

STT	XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU	Số cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
		Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
141	Phường Tam Thắng	15	67	9	0	0	29	18
142	Phường Rạch Dừa	10	81	11	0	2	218	170
143	Phường Phước Thắng	12	63	8	0	0	99	73
144	Xã Long Sơn	3	22	3	0	0	5	7
145	Phường Bà Rịa	12	74	7	0	0	12	4
146	Phường Long Hương	9	36	21	0	0	0	0
147	Phường Phú Mỹ	5	32	2	0	1	655	481
148	Phường Tân Thành	3	22	4	0	0	117	116
149	Phường Tân Phước	3	11	3	0	0	146	127
150	Phường Tam Long	12	43	17	0	0	0	0
151	Phường Tân Hải	3	16	2	0	0	57	43
152	Xã Châu Pha	5	25	6	0	0	81	77

STT	XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU	Số cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
		Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
153	Xã Long Hải	12	92	14	0	0	60	40
154	Xã Long Điền	8	47	8	0	0	0	0
155	Xã Phước Hải	12	63	10	0	0	0	0
156	Xã Đất Đỏ	15	56	10	0	0	0	0
157	Xã Nghĩa Thành	6	9	3	0	2	0	2
158	Xã Ngãi Giao	10	33	9	0	0	0	0
159	Xã Kim Long	9	46	4	1	0	1	0
160	Xã Châu Đức	6	39	4	0	0	0	0
161	Xã Bình Giã	6	28	5	0	0	51	28
162	Xã Xuân Sơn	6	24	5	16	10	16	10
163	Xã Hồ Tràm	14	70	9	0	0	0	0
164	Xã Xuyên Mộc	6	27	5	0	0	0	0

STT	XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU	Số cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
		Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
165	Xã Bình Châu	6	29	3	0	1	0	1
166	Xã Hòa Hội	8	45	8	0	0	0	0
167	Xã Hòa Hiệp	2	15	2	0	0	0	0
168	Xã Bàu Lâm	5	29	4	0	0	0	0
169	Trường MN Thành phố	2	16	19	0	0	0	0
170	Trường MN 19/5 Thành phố	3	17	26	0	0	0	0
171	Trường MN Nam Sài Gòn	3	12	2	0	0	0	0